

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

**thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị
về “Đột phá phát triển giáo dục và đào tạo” trên địa bàn tỉnh**

Tỉnh Đắk Lắk có diện tích tự nhiên 18.096,40 km², với dân số trên 3.346.853 người; có 102 đơn vị hành chính cấp xã, phường (gồm: 88 xã và 14 phường) với đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống. Đắk Lắk là cầu nối quan trọng giữa Tây Nguyên với Duyên hải Nam Trung Bộ, có tiềm năng trở thành trung tâm đa chiều về kinh tế, du lịch, văn hóa, giáo dục, y tế, năng lượng và logistics của Vùng.

Thực hiện các chủ trương, định hướng của Trung ương về phát triển giáo dục và đào tạo, thời gian qua, tỉnh Đắk Lắk đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp nhằm đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Toàn tỉnh hiện có mạng lưới cơ sở giáo dục cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập và yêu cầu giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực ngày càng tăng trên địa bàn, đặc biệt tại vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Cơ sở vật chất trường lớp được đầu tư, nâng cấp theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa; tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia tăng đều qua các năm. Công tác xã hội hóa giáo dục được quan tâm, thu hút nguồn lực từ doanh nghiệp và cộng đồng. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên được bồi dưỡng, chuẩn hóa theo quy định, từng bước nâng cao năng lực chuyên môn và phẩm chất nghề nghiệp. Ngành Giáo dục tỉnh chú trọng đổi mới phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá; triển khai hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông 2018, gắn với phát triển phẩm chất và năng lực học sinh. Công tác giáo dục dân tộc, phổ cập giáo dục, xóa mù chữ tiếp tục được duy trì và nâng cao chất lượng.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác giáo dục và đào tạo của tỉnh vẫn còn một số khó khăn, hạn chế như: Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học ở nhiều nơi còn thiếu và chưa đồng bộ; chất lượng giáo dục giữa các vùng, đặc biệt giữa khu vực thành thị và vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế khó khăn còn chênh lệch; chất lượng giáo dục đại trà còn ở mức thấp; công tác thu hút, đào tạo giáo viên giỏi, giáo viên một số môn học ở vùng khó khăn còn nhiều thách thức; nguồn lực đầu tư cho giáo dục còn hạn chế so với yêu cầu phát triển...

Đất nước ta đang đứng trước vận hội lịch sử để phát triển bứt phá. Yêu cầu thời cuộc đặt ra cho cả nước nói chung, tỉnh Đắk Lắk nói riêng những mục tiêu và yêu cầu phát triển cao, đòi hỏi việc xây dựng con người, xây dựng nguồn nhân lực rất quan trọng và cấp bách. Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về “Đột phá phát triển giáo dục và đào tạo”, Chính phủ đã ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 71-

NQ/TW (Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày 15/9/2025) và nhiều văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện mang tính đột phá. Cùng với cả nước, Đắk Lắk cần phải đột phá phát triển giáo dục và đào tạo góp phần xây dựng thể hệ con người Việt Nam mới có lòng yêu nước và tự hào dân tộc, đủ bản lĩnh, trí tuệ, năng lực, trình độ, sức khỏe để đáp ứng yêu cầu xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn phát triển mới.

Để thực hiện được yêu cầu này, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về “*Đột phá phát triển giáo dục và đào tạo*” (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 71-NQ/TW) trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

I- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

Thể chế hóa và tổ chức thực hiện đầy đủ các quan điểm đề ra trong Nghị quyết số 71-NQ/TW, cụ thể:

- Nhận thức sâu sắc, đầy đủ và thực hiện nhất quán quan điểm giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, quyết định tương lai dân tộc trong đội ngũ cán bộ, đảng viên và Nhân dân trên địa bàn tỉnh; phát triển giáo dục và đào tạo là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân. Nhà nước giữ vai trò định hướng chiến lược, kiến tạo phát triển, bảo đảm nguồn lực và công bằng trong giáo dục; bảo đảm đủ trường, đủ lớp, đủ giáo viên đáp ứng nhu cầu học tập của người dân. Toàn xã hội có trách nhiệm chăm lo, tham gia đóng góp nguồn lực và giám sát phát triển giáo dục.

- Phát huy truyền thống hiếu học của dân tộc, xây dựng xã hội học tập, khơi dậy mạnh mẽ các phong trào thi đua trong Nhân dân và trong toàn xã hội về học tập, tự học tập, học tập không ngừng, học tập suốt đời vì sự nghiệp phát triển nhanh và bền vững của đất nước, vì tương lai của dân tộc.

- Phối hợp chặt chẽ giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong giáo dục, đào tạo. Người học là trung tâm, là chủ thể của quá trình giáo dục và đào tạo; nhà trường là nền tảng, nhà giáo là động lực, quyết định chất lượng giáo dục, đào tạo. Thực hiện phương châm “*thầy ra thầy, trò ra trò*” trên các mặt đạo đức, nhân cách, tri thức; kiên quyết chấn chỉnh tiêu cực trong giáo dục, coi trọng danh dự người thầy, tôn vinh người thầy trong xã hội.

- Giáo dục bảo đảm hài hoà giữa tính toàn dân và tinh hoa, toàn diện và chuyên sâu, dân tộc và toàn cầu. Phát triển giáo dục trên nền tảng văn hóa, giá trị truyền thống dân tộc, đồng thời tiếp thu tinh hoa nhân loại, chuẩn mực quốc tế; giáo dục, đào tạo công dân Việt Nam trở thành công dân toàn cầu.

- Giáo dục, đào tạo phải bảo đảm “*học đi đôi với hành*”, “*lý thuyết gắn liền với thực tiễn*”, “*nhà trường gắn liền với xã hội*”. Giáo dục mầm non, phổ thông là nền tảng hình thành nhân cách, phát triển phẩm chất và năng lực người học. Giáo dục

nghề nghiệp giữ vai trò then chốt trong phát triển lực lượng lao động kỹ năng cao. Giáo dục đại học là nòng cốt phát triển nhân lực trình độ cao, nhân tài, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Đột phá phát triển giáo dục và đào tạo phải bắt đầu từ đổi mới tư duy, nhận thức và thể chế. Tạo đột phá về nguồn lực, động lực và không gian mới cho phát triển giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng; bảo đảm Nhà nước giữ vai trò chủ đạo, lấy đầu tư công dẫn dắt, thu hút nguồn lực xã hội cho hiện đại hoá toàn diện hệ thống giáo dục quốc dân.

- Giáo dục công lập là trụ cột, giáo dục ngoài công lập là thành phần quan trọng cấu thành hệ thống giáo dục quốc dân; xây dựng nền giáo dục mở, liên thông, bảo đảm cơ hội học tập công bằng, bình đẳng cho mọi người, đáp ứng nhu cầu xã hội, thúc đẩy học tập suốt đời.

2. Mục tiêu

Tạo bước đột phá trong giáo dục và đào tạo để phát triển toàn diện trong kỷ nguyên mới trên địa bàn tỉnh. Tập trung xây dựng, hoàn thiện, nâng cao hệ thống giáo dục mầm non và phổ thông, triển khai nền tảng giáo dục số gắn với quản trị giáo dục dựa trên dữ liệu, dự báo để đảm bảo cơ hội tiếp cận giáo dục chất lượng, công bằng và bình đẳng, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc trên địa bàn tỉnh. Nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học gắn với phát triển nguồn nhân lực, nhân tài và phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo. Thúc đẩy hợp tác quốc tế, huy động và sử dụng mọi nguồn lực hiệu quả để phát triển đột phá, đưa giáo dục và đào tạo Đắk Lắk tương đương với mặt bằng chung của cả nước.

2.1. Mục tiêu đến năm 2030

- Phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục mầm non và phổ thông theo hướng toàn diện, đảm bảo mọi trẻ em và học sinh trên địa bàn tỉnh đều có cơ hội tiếp cận giáo dục chất lượng, công bằng và bình đẳng. Hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi và giáo dục bắt buộc hết trung học cơ sở; ít nhất 85% người trong độ tuổi hoàn thành cấp trung học phổ thông và tương đương.

- Phổ cập giáo dục cho học sinh đồng bào dân tộc thiểu số đạt 99,5%; 100% trẻ em người dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục mầm non được tăng cường tiếng Việt; 100% cơ sở giáo dục phổ thông có học sinh dân tộc thiểu số được tìm hiểu về văn hóa dân tộc.

- Đạt kết quả bước đầu về nâng cao năng lực công nghệ, trí tuệ nhân tạo (AI), từng bước đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong các cơ sở giáo dục đạt từ Mức độ 1 đến Mức độ 3. Chỉ số giáo dục đóng góp vào chỉ số HDI đứng ở nhóm giữa cả nước (*từ vị trí 20 trở lên*), trong đó chỉ số bất bình đẳng giáo dục giảm xuống dưới 10%. Đắk Lắk đứng trong nhóm 25 tỉnh có điểm trung bình thi tốt nghiệp trung học phổ thông cao nhất.

- Đầu tư, xây dựng hệ thống trường lớp khang trang, chất lượng, đảm bảo mọi học sinh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk đều có môi trường học tập tốt nhất, đặc biệt là khu vực vùng sâu, vùng xa. Có ít nhất 60% trường mầm non và 80% trường phổ thông đạt chuẩn quốc gia; tỷ lệ kiên cố hóa trường lớp học đạt 100%, tỷ lệ cơ sở giáo dục đảm bảo thiết bị dạy học tối thiểu đạt 70%.

- 100% cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên hoàn thành dữ liệu học bạ số, văn bằng số cho người học. 100% các quy trình quản lý hành chính trong ngành giáo dục được số hóa hoàn toàn. 100% cán bộ quản lý và giáo viên đạt chuẩn kỹ năng số cơ bản theo khung năng lực số của ngành. 100% cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng công nghệ AI. Phấn đấu 100% đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên vùng đồng bào dân tộc thiểu số được bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số, cập nhật kiến thức văn hóa bản địa.

- Xây dựng, đào tạo nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh theo hướng gắn với tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số, lấy đổi mới sáng tạo, khoa học và công nghệ là động lực cốt lõi để nâng cao năng suất lao động. Có chính sách thu hút và đãi ngộ giảng viên giỏi, trình độ cao ở trong nước và nước ngoài về công tác tại các trường đại học, cao đẳng của tỉnh để nâng cao chất lượng đào tạo.

- Mạng lưới cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp được sắp xếp phù hợp và đầu tư nâng cấp; phấn đấu 100% cơ sở giáo dục đại học và ít nhất 80% cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt chuẩn, trong đó có 20% cơ sở được đầu tư hiện đại. Tỷ lệ người trong độ tuổi theo học các trình độ sau trung học phổ thông đạt 50%. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 75%. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ đạt khoảng 30%. Tỷ lệ người lao động có trình độ cao đẳng, đại học trở lên đạt 24%. Tỷ lệ người học các ngành khoa học cơ bản, kỹ thuật và công nghệ tại các cơ sở giáo dục đại học đạt ít nhất 35%. Chỉ số vốn con người và nghiên cứu đóng góp vào chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) đứng ở nhóm giữa cả nước (*từ vị trí 20 trở lên*).

- Đầu tư, tạo điều kiện cho các cơ sở giáo dục đại học trở thành trung tâm nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp của tỉnh, đóng vai trò nòng cốt trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của địa phương, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu các ngành, lĩnh vực trọng điểm. Phấn đấu có 01 trường đại học ở trên địa bàn tỉnh nằm trong nhóm 70 các trường đại học hàng đầu của cả nước, từng bước tiếp cận các bảng xếp hạng quốc tế uy tín ở một số lĩnh vực thế mạnh. Tăng bình quân 12%/năm đối với số công bố khoa học quốc tế, nguồn thu từ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; 16%/năm đối với số đăng ký sáng chế, văn bằng bảo hộ sáng chế.

- 100% các dịch vụ công trực tuyến toàn trình đối với các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh đối với các thủ tục đủ điều kiện trực tuyến toàn trình theo danh mục của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.2. Mục tiêu đến năm 2035

- Hệ thống trường lớp, mạng lưới cơ sở giáo dục tiếp tục được hiện đại hoá, có bước tiến mạnh, vững chắc về tiếp cận, công bằng và chất lượng. Hoàn thành phổ cập giáo dục trung học phổ thông và tương đương. Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi. Đắk Lắk đứng trong nhóm 20 tỉnh có điểm trung bình thi tốt nghiệp trung học phổ thông cao nhất.

- Chỉ số giáo dục đóng góp vào chỉ số HDI và Chỉ số vốn con người và nghiên cứu đóng góp vào chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) đứng ở nhóm trên cả nước (*từ vị trí 15 trở lên*). Phần đầu có 01 trường đại học ở trên địa bàn tỉnh nằm trong nhóm 50 các trường đại học hàng đầu của cả nước, từng bước tiếp cận các bảng xếp hạng quốc tế uy tín ở một số lĩnh vực thế mạnh.

2.3. Tầm nhìn đến năm 2045

Tỉnh có hệ thống giáo dục hiện đại, công bằng và chất lượng, nằm trong nhóm 15 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước về chất lượng giáo dục và đào tạo. Mọi người dân có cơ hội học tập suốt đời, nâng cao trình độ, kỹ năng và phát triển tối đa tiềm năng cá nhân. Tỉnh có nguồn nhân lực chất lượng cao, nhân tài khoa học, công nghệ là động lực và lợi thế cạnh tranh cốt lõi của tỉnh, góp phần đưa tỉnh Đắk Lắk trở thành tỉnh phát triển.

(Danh mục các mục tiêu cụ thể tại Phụ lục 1 kèm theo)

II- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy và hành động, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ để đột phá phát triển giáo dục và đào tạo

Quán triệt, tuyên truyền sâu rộng trong toàn Đảng bộ, hệ thống chính trị và toàn xã hội về giáo dục và đào tạo, nhất là Nghị quyết 71-NQ/TW của Bộ Chính trị và các quan điểm, chủ trương của Đảng, tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục và đào tạo. Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức và vai trò, trách nhiệm của tất cả các cấp ủy, các tổ chức chính trị - xã hội, chính quyền địa phương, các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp và Nhân dân đối với sự nghiệp giáo dục, đào tạo.

Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy trong lãnh đạo, chỉ đạo; chuyển mạnh từ quản lý hành chính sang kiến tạo phát triển, quản trị hiện đại, hành động quyết liệt, tập trung vào chất lượng đầu ra và xây dựng văn hóa cải tiến liên tục. Đặt phát triển giáo dục và đào tạo trong tư duy quản trị phát triển địa phương, quản trị xã hội bảo đảm định hướng, quy hoạch, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội; đưa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển giáo dục và đào tạo thành một trọng tâm trong chiến lược, quy hoạch, chính sách, chương trình, kế hoạch phát triển trên các lĩnh vực và ưu tiên bố trí nguồn lực thực hiện.

Tăng cường vai trò lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của Đảng, thực hiện chủ trương Bí thư cấp ủy kiêm người đứng đầu cơ sở giáo dục, không tổ chức hội đồng trường

trong các cơ sở giáo dục công lập (*trừ các trường công lập có thỏa thuận quốc tế*) để đảm bảo sự chỉ đạo thống nhất và hiệu quả.

Xác định rõ các mục tiêu, chỉ tiêu cho từng giai đoạn; phân công đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp cho từng nhiệm vụ và xác định rõ nguồn lực thực hiện (*về nhân lực, tài chính, cơ sở vật chất...*). Gắn trách nhiệm của người đứng đầu với kết quả thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW, đưa kết quả thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW vào tiêu chí đánh giá, xếp loại, thi đua, khen thưởng cán bộ, công chức tại các cơ sở giáo dục.

Thường xuyên kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục và đào tạo; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; xử lý nghiêm các trường hợp thiếu trách nhiệm, buông lỏng quản lý hoặc để xảy ra tiêu cực, sai phạm.

2. Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội cho phát triển giáo dục và đào tạo

Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với phân bổ nguồn lực, tăng cường tự chủ, tự chịu trách nhiệm của cơ sở giáo dục đi đôi với kiểm tra, giám sát hiệu quả; gắn trách nhiệm quản lý chuyên môn với quản lý nhân sự và tài chính; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp. Xây dựng, triển khai hệ thống giáo dục mở, liên thông, thúc đẩy học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập.

Nghiên cứu ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù của tỉnh để kịp thời tháo gỡ các điểm nghẽn, nút thắt tạo điều kiện thuận lợi để triển khai thực hiện các nhiệm vụ mang tính đột phá về phát triển giáo dục và đào tạo, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và kiến tạo phát triển giáo dục và đào tạo.

Triển khai đầy đủ, hiệu quả các chính sách ưu đãi đặc thù, vượt trội cho đội ngũ nhà giáo; thực hiện đầy đủ phụ cấp ưu đãi nghề đối với cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông tối thiểu 70% cho giáo viên, tối thiểu 30% cho nhân viên, 100% cho giáo viên ở khu vực đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Thực hiện phân bổ ngân sách nhà nước cho các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp dựa trên sứ mạng, chất lượng và hiệu quả theo cơ chế thống nhất trong toàn ngành; ưu tiên đặt hàng, giao nhiệm vụ đối với các ngành, lĩnh vực trọng điểm theo kết quả đầu ra.

Chi ngân sách nhà nước cho giáo dục và đào tạo đạt tối thiểu 20% tổng chi ngân sách nhà nước, trong đó phân bổ chi đầu tư đạt ít nhất 5% tổng chi ngân sách nhà nước và chi cho giáo dục đại học đạt ít nhất 3% tổng chi ngân sách nhà nước. Ưu tiên đầu tư cho giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp.

Triển khai đầy đủ, kịp thời các chính sách ưu đãi thúc đẩy giáo dục đào tạo theo quy định, hướng dẫn của Trung ương: Ưu tiên dành quỹ đất sạch, chuyển đổi

linh hoạt mục đích sử dụng đất sang đất giáo dục; tập trung giải phóng mặt bằng, giao đất sạch cho các dự án giáo dục, đào tạo; không thu tiền sử dụng đất, giảm tiền thuê đất, tiền thuế đất đối với các cơ sở giáo dục trong nước; không áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp đối với cơ sở giáo dục công lập, cơ sở giáo dục tư thực hoạt động không vì lợi nhuận; ưu tiên dành trụ sở cơ quan nhà nước dời dư sau sắp xếp cho các cơ sở giáo dục; áp dụng hình thức cho thuê công trình thuộc sở hữu nhà nước đối với cơ sở giáo dục tư thực.

Xây dựng cơ chế, chính sách để khuyến khích tổ chức, doanh nghiệp đầu tư phát triển giáo dục, đào tạo; đẩy mạnh hợp tác công tư; mở rộng hợp tác, liên kết giữa các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp, cơ sở nghiên cứu, tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước; ưu tiên vốn tín dụng cho các dự án phát triển giáo dục và đào tạo. Nghiên cứu, hình thành quỹ tài trợ cho các cơ sở giáo dục huy động vốn cộng đồng trên địa bàn tỉnh theo hướng dẫn của Trung ương.

3. Tăng cường giáo dục toàn diện đức, trí, thể, mỹ, hình thành hệ giá trị con người Việt Nam thời đại mới

Đổi mới nội dung, phương pháp tổ chức các hoạt động giáo dục trong trường mầm non, phổ thông nhằm phát triển hài hòa về đạo đức, trí tuệ, thể chất và thẩm mỹ cho học sinh. Tăng cường giáo dục đạo đức cho học sinh trong các môn học chính khoá và các hoạt động ngoại khoá; phát huy các giá trị truyền thống đạo đức tốt đẹp của con người Việt Nam; xây dựng hình thành thể hệ học sinh Đắc Lắc có lối sống đẹp, văn minh, hiện đại.

Nghiên cứu, tích hợp những nội dung cụ thể hóa hệ giá trị con người Việt Nam trong thời đại mới vào chương trình giáo dục ở tất cả cấp học. Tiếp tục tăng cường xây dựng văn hoá học đường, chất lượng giáo dục, thực học, thực nghiệp gắn với trách nhiệm nêu gương của đội ngũ nhà giáo; chú trọng bồi dưỡng đạo đức nghề nghiệp cho đội ngũ nhà giáo. Đổi mới nội dung, phương thức giảng dạy, nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục đạo đức, lý tưởng, trách nhiệm xã hội, lối sống văn hoá, truyền thống lịch sử, chính trị, tư tưởng, pháp luật, kinh tế, tài chính, quốc phòng và an ninh trong các trường học trên địa bàn tỉnh.

Xây dựng các giải pháp ngăn ngừa, hạn chế tối đa những ảnh hưởng tiêu cực từ cơ chế thị trường, truyền thông, mạng xã hội đối với học sinh, sinh viên; ngăn chặn, đẩy lùi tiến tới chấm dứt bạo lực học đường, ma túy học đường.

Nâng cao dinh dưỡng học đường và phát triển giáo dục thể chất trong các cơ sở giáo dục của tỉnh; đổi mới hình thức, phương pháp giáo dục thể chất góp phần nâng cao thể lực, tầm vóc con người Việt Nam, gắn giáo dục thể chất với giáo dục tri thức, đạo đức, kỹ năng sống, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Chú trọng giáo dục tư tưởng, truyền thống, đạo đức, thể chất, thẩm mỹ, giáo dục hướng nghiệp, kỹ năng mềm cho học sinh, sinh viên.

4. Thực hiện chuyển đổi số toàn diện, phổ cập và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số, trí tuệ nhân tạo (AI) trong giáo dục và đào tạo

Đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện, ứng dụng công nghệ số, AI trong quản lý, tổ chức hoạt động giáo dục, đào tạo ở tất cả các cấp học trên phạm vi toàn tỉnh, nhất là các cơ sở giáo dục ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. Nâng cao chuẩn năng lực số và AI cho đội ngũ quản lý giáo dục, người học, giáo viên ở tất cả các cấp học, đưa vào chương trình giáo dục gắn với thúc đẩy các hoạt động sáng tạo, trải nghiệm.

Ưu tiên đảm bảo nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ để đẩy nhanh chuyển đổi số. Xây dựng dữ liệu học bạ số, văn bằng số cho người học trên phạm vi toàn tỉnh theo mã định danh cá nhân. Triển khai hệ thống quản lý ngành giáo dục và đào tạo tỉnh đồng bộ, thống nhất để điều hành chủ động, dựa trên dữ liệu và dự báo. Triển khai hệ thống thông tin giáo dục và nhân lực có kết nối liên thông với hệ thống thông tin thị trường lao động, việc làm và tích hợp thông tin khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo của các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh. Phổ cập Internet cáp quang và wifi chất lượng cao đến 100% các cơ sở giáo dục.

Triển khai các nền tảng giáo dục thông minh, sách giáo khoa, giáo trình thông minh; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, AI trong đổi mới phương pháp dạy và học, kiểm tra, đánh giá; thúc đẩy ứng dụng các mô hình giáo dục số, giáo dục AI, quản trị giáo dục thông minh, trường học số, lớp học thông minh. Thực hiện thí điểm ứng dụng AI trong việc cá nhân hóa lộ trình học tập và kiểm tra, đánh giá tại một số trường trọng điểm.

Đẩy mạnh hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp công nghệ trong và ngoài nước để nghiên cứu, thí điểm và nhân rộng các mô hình giáo dục thông minh, ứng dụng AI tiên tiến.

Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên cho đội ngũ giáo viên, tập trung vào các năng lực cốt lõi như: thiết kế học liệu số, quản lý lớp học trực tuyến, giảng dạy kết hợp, khai thác dữ liệu học tập để điều chỉnh phương pháp dạy học. Đồng thời, phát triển năng lực số cho đội ngũ cán bộ quản lý, giúp nâng cao kỹ năng ra quyết định dựa trên dữ liệu, tầm nhìn số và khả năng điều hành hệ thống giáo dục trong môi trường số. Khuyến khích, huy động các doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đại học tham gia bồi dưỡng, đào tạo giáo viên, người học về năng lực số, AI.

5. Tập trung xây dựng đội ngũ nhà giáo, cơ sở vật chất trường lớp đạt chuẩn, nâng cao chất lượng giáo dục mầm non và phổ thông

Chăm lo giáo dục trẻ em ngay từ giai đoạn đầu đời, chuẩn bị đủ điều kiện thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.

Rà soát, hoàn thiện tiêu chuẩn, quy chuẩn, bảo đảm số lượng, chất lượng, cơ cấu đội ngũ giáo viên; bố trí đủ số lượng biên chế giáo viên, nhân viên theo tiêu

chuẩn quy định phù hợp từng năm học, đặc biệt là đối với các cấp học mầm non, phổ thông. Triển khai Đề án “*Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông giai đoạn 2026-2030*”, mở rộng các chương trình, đề án đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ giáo viên, quản lý giáo dục; xây dựng nhà công vụ, tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên ở xa tới công tác.

Thực hiện các chính sách ưu đãi đặc thù để thu hút học sinh giỏi theo học ngành sư phạm. Thực hiện thí điểm mô hình “*Trường sư phạm liên kết địa phương*” giữa Sở Giáo dục và Đào tạo với các trường đại học đứng chân trên địa bàn tỉnh, gắn đào tạo - thực tập - tuyển dụng giáo viên theo nhu cầu của tỉnh.

Tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng kiên cố hoá, hiện đại hoá trường, lớp học; bảo đảm đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị đạt chuẩn, đặc biệt chú trọng đầu tư các phòng học thực hành, trải nghiệm STEM/STEAM, không gian vui chơi, môi trường rèn luyện thể chất. Rà soát, nâng cấp và đầu tư xây mới các trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú tại các địa phương trong tỉnh; kiểm tra việc quy hoạch xây dựng và bảo đảm quỹ đất để xây dựng trường, lớp, nhà công vụ; khẩn trương triển khai việc xây dựng trường nội trú liên cấp tại các xã biên giới trên địa bàn tỉnh đảm bảo tiến độ, chất lượng theo các chỉ đạo của Trung ương. Tăng thời lượng các môn khoa học, công nghệ, tin học, nghệ thuật; nghiên cứu đưa kiến thức về năng lực số, AI vào chương trình giáo dục phổ thông.

Rà soát, đánh giá việc triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông; chuẩn bị điều kiện để tiến tới cung cấp miễn phí sách giáo khoa cho tất cả học sinh theo lộ trình. Chuyển mạnh sang phương pháp giáo dục hiện đại, tích cực, tăng cường tự học, trải nghiệm sáng tạo, hướng học sinh phát huy tư duy độc lập, năng lực giải quyết vấn đề; tiếp tục đổi mới phương pháp kiểm tra đánh giá, bảo đảm đánh giá trung thực kết quả học tập và giảng dạy; thực hiện đồng bộ các giải pháp để khắc phục tình trạng dạy thêm, học thêm tràn lan.

Triển khai chương trình giáo dục mầm non mới, tăng cường phương pháp giáo dục thực hành, phát triển toàn diện cho trẻ em mầm non. Xây dựng chương trình giáo dục tích hợp, bảo tồn và phát huy văn hóa bản địa của đồng bào Ê Đê, M'Nông, Gia Rai, Tày, Nùng, Thái, Mường...; tăng cường dạy tiếng dân tộc.

Đổi mới mô hình trường chuyên, trường năng khiếu để tập trung ươm tạo nhân tài quốc gia, mở rộng các lớp chuyên khối STEM/STEAM. Tăng cường việc dạy và học ngoại ngữ, từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học và dạy ngôn ngữ của các nước láng giềng. Nâng chuẩn tiếng Anh cho giáo viên và học sinh các cấp học; bảo đảm đủ số lượng, trình độ đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất và công nghệ, ứng dụng mạnh mẽ AI trong dạy và học tiếng Anh; tăng cường giảng dạy các môn học bằng tiếng Anh tại các nơi có điều kiện.

6. Cải cách, hiện đại hoá giáo dục nghề nghiệp, tạo đột phá phát triển nguồn nhân lực có kỹ năng nghề cao

Tập trung phát triển hệ thống các cơ sở giáo dục nghề nghiệp của tỉnh theo hướng tinh gọn, hiệu quả, đa ngành, đa lĩnh vực gắn với nhu cầu thực tiễn của thị trường lao động địa phương. Rà soát, sắp xếp lại các cơ sở hiện có; lựa chọn và ưu tiên đầu tư nâng cấp các trường hoạt động hiệu quả, từng bước xây dựng một số trường cao đẳng đạt chuẩn, tiệm cận chuẩn khu vực và quốc tế, phù hợp với điều kiện của tỉnh.

Cải cách toàn diện mô hình giáo dục nghề nghiệp, đổi mới chương trình, nội dung và phương thức đào tạo theo hướng linh hoạt, thực tiễn, ứng dụng công nghệ cao, phù hợp với học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở và trung học phổ thông, đặc biệt là học sinh vùng sâu, vùng xa, đồng bào dân tộc thiểu số.

Triển khai đặt hàng, giao nhiệm vụ đào tạo giáo viên, giảng viên giáo dục nghề nghiệp từ ngân sách nhà nước. Thu hút chuyên gia, người lao động tay nghề cao tham gia giảng dạy, hướng dẫn kỹ năng nghề. Khuyến khích doanh nghiệp thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Triển khai đào tạo gắn với nhu cầu doanh nghiệp, chú trọng các lĩnh vực thế mạnh của tỉnh như: nông nghiệp công nghệ cao, chế biến nông - lâm - thủy sản, du lịch biển, sinh thái, văn hoá, năng lượng tái tạo... Tăng cường liên kết chặt chẽ giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, hợp tác trong đào tạo, thực hành, tuyển dụng và nghiên cứu ứng dụng, ưu tiên các doanh nghiệp chủ lực, hợp tác xã và các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Khuyến khích doanh nghiệp tham gia vào quá trình xây dựng chương trình, đào tạo và đánh giá kỹ năng nghề.

Ưu tiên bố trí ngân sách địa phương, đồng thời lồng ghép hiệu quả các nguồn lực từ Trung ương và xã hội hóa để đầu tư cho đào tạo nghề chất lượng cao, nhất là các ngành nghề kỹ thuật, công nghệ phục vụ các chương trình, dự án chiến lược của tỉnh, của quốc gia. Xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo nghề chất lượng cao cho đồng bào người dân tộc thiểu số ở các ngành nghề phù hợp. Quan tâm đặc biệt đến việc đào tạo nghề cho lao động là người dân tộc thiểu số, lao động nữ, người nghèo, người khuyết tật ở vùng sâu, vùng xa.

Thực hiện cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ đào tạo đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực kỹ năng cao cho các ngành trọng điểm như: sản xuất nông nghiệp thông minh, chế biến nông sản xuất khẩu, dịch vụ du lịch - nhà hàng - khách sạn, các ngành công nghiệp thế mạnh....

7. Hiện đại hoá, nâng tầm giáo dục đại học, tạo đột phá phát triển nhân lực trình độ cao và nhân tài, dẫn dắt nghiên cứu, đổi mới sáng tạo

Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, các cơ quan chủ quản thúc đẩy mạnh mẽ phát triển Trường Đại học Tây Nguyên, Trường Đại học Phú Yên và các cơ sở giáo

dục đại học trên địa bàn tỉnh theo mô hình đại học đổi mới sáng tạo, đại học công nghệ thế hệ mới. Trong đó, Trường Đại học Tây Nguyên trở thành đại học vùng trọng điểm, đa ngành, đa lĩnh vực, đạt chuẩn quốc tế, đóng vai trò trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo; là nền tảng để phát triển Buôn Ma Thuột thành trung tâm nghiên cứu khoa học, phát triển ứng dụng công nghệ và đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực nông lâm nghiệp của khu vực.

Đầu tư hiện đại hoá hạ tầng kỹ thuật, mở rộng không gian phát triển cho các cơ sở giáo dục đại học hoạt động hiệu quả. Tập trung đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm, xây dựng trung tâm đào tạo, nghiên cứu xuất sắc tại các cơ sở giáo dục đại học trọng điểm, cơ sở đào tạo giáo viên.

Xây dựng, triển khai các chính sách hỗ trợ đối với giảng viên và người học triển khai các dự án khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, thành lập công ty khởi nguồn, công ty khởi nghiệp; chính sách hỗ trợ triển khai hiệu quả hợp tác Nhà nước - Nhà trường - Doanh nghiệp. Ưu tiên bố trí kinh phí nghiên cứu khoa học, nhất là nghiên cứu cơ bản gắn với đào tạo sau đại học tại các cơ sở giáo dục đại học.

Triển khai các chương trình, đề án đào tạo, phát triển đội ngũ giảng viên, thực hiện tăng chế độ hỗ trợ cho giảng viên đi học nâng cao trình độ trong và ngoài nước theo quy định. Nghiên cứu xây dựng chương trình thu hút giảng viên xuất sắc từ ngoài tỉnh.

Đổi mới mạnh mẽ chương trình đào tạo theo chuẩn quốc tế; tích hợp nội dung về phân tích dữ liệu và AI, tinh thần doanh nhân và khởi nghiệp. Hỗ trợ mở rộng triển khai các chương trình đào tạo sau đại học gắn kết với nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo trong các ngành khoa học cơ bản, kỹ thuật và công nghệ, nhất là công nghệ chiến lược, công nghệ ưu tiên của công nghiệp 4.0, các ngành phục vụ các dự án trọng điểm của tỉnh, của quốc gia. Gắn kết các hoạt động đào tạo với nghiên cứu, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

Tăng cường quản lý chất lượng gắn với triển khai chính sách hỗ trợ phù hợp đối với đào tạo tiến sĩ, đào tạo các ngành sư phạm, sức khỏe, pháp luật và các ngành trọng điểm; quy định chặt chẽ việc học tiến sĩ đối với cán bộ, công chức.

8. Đẩy mạnh hợp tác và hội nhập quốc tế sâu rộng trong giáo dục và đào tạo

Đẩy mạnh hợp tác và hội nhập quốc tế sâu rộng trong giáo dục, đào tạo và nghiên cứu khoa học, nhất là trong những lĩnh vực thế mạnh, có dư địa phát triển của tỉnh. Cấp học bổng hoặc có chính sách khuyến khích, hỗ trợ học sinh, sinh viên, giảng viên đi học tập, nghiên cứu, thỉnh giảng ở các nước phát triển, các nước có quan hệ truyền thống, có thế mạnh trong các lĩnh vực, ngành trọng điểm, tận dụng các chương trình hợp tác song phương gắn với cam kết về phục vụ tỉnh sau đào tạo, bồi dưỡng, không để “chảy máu chất xám”.

Triển khai hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ hiệu quả các cơ sở giáo dục đại học hợp tác, liên kết với các đại học có uy tín, doanh nghiệp lớn ở nước ngoài, nhất là trong các lĩnh vực trọng điểm, công nghệ mới nổi; khuyến khích hợp tác, liên kết đào tạo theo mô hình giáo dục số, xuyên biên giới. Đẩy mạnh thu hút đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp; thúc đẩy hợp tác, liên kết thành lập đơn vị đào tạo, viện nghiên cứu chung với cơ sở giáo dục trong tỉnh. Tăng cường quản lý chất lượng, bảo đảm an ninh văn hoá, thúc đẩy giáo dục ngôn ngữ, lịch sử, văn hoá, địa lý và con người Việt Nam trong các cơ sở giáo dục, chương trình giáo dục có yếu tố nước ngoài.

(Danh mục các nhiệm vụ chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo)

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy hướng dẫn các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, các cơ quan, đơn vị tuyên truyền, quán triệt Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị và Chương trình hành động này đến cán bộ, đảng viên và Nhân dân nhằm nâng cao nhận thức, thống nhất trong hành động của toàn hệ thống chính trị và Nhân dân trên địa bàn tỉnh để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ đề ra.

2. Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy tổ chức học tập, quán triệt trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân; đồng thời, căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao xây dựng kế hoạch cụ thể và tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị và Chương trình này phù hợp với tình hình thực tế của từng địa phương, cơ quan, đơn vị.

3. Đảng ủy HĐND tỉnh lãnh đạo HĐND tỉnh chỉ đạo rà soát, thể chế hóa các nội dung, nhiệm vụ của Nghị quyết số 71-NQ/TW và Chương trình này bằng các nghị quyết chuyên đề trên các lĩnh vực liên quan, đảm bảo kịp thời, thiết thực, phù hợp với các quy định pháp luật và điều kiện thực tế của địa phương gắn với tăng cường giám sát việc triển khai thực hiện theo quy định.

4. Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh phối hợp với cấp ủy, chính quyền các cấp tăng cường công tác tuyên truyền, vận động thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ nêu tại Nghị quyết số 71-NQ/TW và Chương trình này. Tăng cường vai trò giám sát và phản biện xã hội đối với quá trình xây dựng và thực hiện các cơ chế, chính sách phát triển giáo dục và đào tạo; kịp thời kiến nghị, đề xuất giải pháp khắc phục hạn chế, bất cập trong quá trình triển khai thực hiện. Nghiên cứu, phát động phong trào thi đua sâu rộng trong cán bộ, đoàn viên, hội viên và Nhân dân nhằm phấn đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết số 71-NQ/TW và Chương trình hành động này.

5. Đảng ủy UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh:

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Nghị quyết số 71-NQ/TW và Chương trình này xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện; xây dựng ban hành các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án triển khai các nội dung đột phá phát triển giáo

dục và đào tạo phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, các địa phương, phân bổ ngân sách, huy động nguồn lực xã hội, bảo đảm tính khả thi và các quy định của pháp luật.

- Tham mưu, đề xuất những giải pháp, cơ chế, chính sách cần sửa đổi hoặc ban hành mới, phục vụ đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; ban hành hoặc đề xuất các cơ chế, chính sách thu hút đầu tư, nhân tài; khuyến khích doanh nghiệp nghiên cứu, phát triển giáo dục và đào tạo; ưu tiên ngân sách, khuyến khích đối tác công tư, quỹ đầu tư mạo hiểm... Tạo môi trường thuận lợi về thủ tục hành chính, pháp lý để tổ chức, cá nhân yên tâm tham gia đầu tư vào ngành giáo dục và đào tạo.

- Chỉ đạo các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường triển khai các nhiệm vụ, giải pháp theo chức năng, nhiệm vụ được giao; tổ chức kiểm tra, đôn đốc tiến độ, chất lượng thực hiện; xử lý, tháo gỡ vướng mắc, bảo đảm các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy và các cơ quan, đơn vị liên quan thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện, thường xuyên báo cáo Thường trực Tỉnh ủy về kết quả triển khai, các khó khăn, vướng mắc, các vấn đề cần xin ý kiến chỉ đạo kịp thời (nếu có); định kỳ 6 tháng, hằng năm báo cáo tình hình, kết quả thực hiện về Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo dõi, chỉ đạo.

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương,
- Các ban Đảng và Văn phòng TW Đảng,
- Ủy ban Văn hoá - Giáo dục Quốc hội,
- Đảng ủy Bộ Giáo dục và Đào tạo,
- Các vụ địa phương của các ban đảng TW,
- Các CQ chuyên trách tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy,
- Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Đảng ủy HĐND tỉnh, Đảng ủy MTTQVN tỉnh,
- Các đ/c Tỉnh ủy viên,
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

(b/c)

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ**



Lương Nguyễn Minh Triết

Phụ lục 1

DANH MỤC CÁC MỤC TIÊU CỤ THỂ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 71-NQ/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

(Kèm theo Chương trình số 04 -CTr/TU, ngày 10/12/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

TT	Mục tiêu	Đơn vị tính	Năm hoàn thành		Đơn vị chủ trì	Ghi chú
			2030	2035		
1.	Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi	%	100	Duy trì và nâng cao chất lượng	Các đảng ủy xã, phường	
2.	Phổ cập giáo dục bắt buộc đến hết THCS <i>(phổ cập giáo dục cho học sinh đồng bào dân tộc thiểu số đạt tối thiểu 99,5%)</i>	%		100	Đảng ủy UBND tỉnh	Quyết định 2269/QĐ-TTg
3.	Tỷ lệ người trong độ tuổi hoàn thành chương trình THPT và tương đương	%	≥ 85		Đảng ủy UBND tỉnh	
4.	Tỷ lệ trẻ em dân tộc thiểu số ở trường mầm non được tăng cường tiếng Việt	%	100	100	Đảng ủy UBND tỉnh	Quyết định 2269/QĐ-TTg
5.	Tỷ lệ cơ sở giáo dục phổ thông có học sinh dân tộc thiểu số được tìm hiểu về văn hóa dân tộc	%	100	100	Đảng ủy UBND tỉnh	Quyết định 2269/QĐ-TTg
6.	Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên vùng đồng bào dân tộc thiểu số được bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số, cập nhật kiến thức văn hóa bản địa	%	100 <i>(phần đầu)</i>	100	Đảng ủy UBND tỉnh	Quyết định 2269/QĐ-TTg

TT	Mục tiêu	Đơn vị tính	Năm hoàn thành		Đơn vị chủ trì	Ghi chú
			2030	2035		
7.	Tỷ lệ học bạ số, văn bằng số cho người học tại cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên	%	100	100	Đảng ủy UBND tỉnh	Quyết định 2269/QĐ-TTg
8.	Tỷ lệ cơ sở giáo dục ứng dụng công nghệ số và AI trong quản lý, tổ chức hoạt động giáo dục	%	100	100	Đảng ủy UBND tỉnh	
9.	Xếp hạng điểm trung bình thi tốt nghiệp trung học phổ thông so với cả nước	Thứ hạng	≤ 25	≤ 20	Đảng ủy UBND tỉnh	
10.	Tỷ lệ người học các ngành khoa học cơ bản, kỹ thuật, công nghệ tại các trường đại học	%	≥ 35		Đảng ủy UBND tỉnh	
11.	Tỷ lệ chi cho giáo dục và đào tạo từ tổng chi ngân sách nhà nước	%	20	20	Đảng ủy UBND tỉnh; Các đảng ủy xã, phường	
12.	Tỷ lệ trường học được kiên cố hóa	%	100		Đảng ủy UBND tỉnh	
13.	Tỷ lệ cơ sở giáo dục đảm bảo thiết bị dạy học tối thiểu	%	70		Đảng ủy UBND tỉnh	
14.	Trường mầm non đạt chuẩn quốc gia	%	≥ 60		Đảng ủy UBND tỉnh	
15.	Trường phổ thông đạt chuẩn quốc gia	%	≥ 80		Đảng ủy UBND tỉnh	

TT	Mục tiêu	Đơn vị tính	Năm hoàn thành		Đơn vị chủ trì	Ghi chú
			2030	2035		
16.	Tỷ lệ cơ sở giáo dục đại học đạt chuẩn giáo dục đại học	%	100 (phần đầu)		Đảng ủy UBND tỉnh	
17.	Tỷ lệ cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt chuẩn giáo dục nghề nghiệp	%	≥ 80 (trong đó 20% được đầu tư hiện đại)		Đảng ủy UBND tỉnh	
18.	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	> 75		Đảng ủy UBND tỉnh	Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh 2025-2030
19.	Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ	%	> 30		Đảng ủy UBND tỉnh	Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh 2025-2030
20.	Tỷ lệ lao động qua đào tạo có trình độ cao đẳng, đại học trở lên	%	24		Đảng ủy UBND tỉnh	
21.	Tỷ lệ tăng trưởng công bố khoa học quốc tế, nguồn thu từ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo	%	12%/năm		Đảng ủy UBND tỉnh	
22.	Tỷ lệ tăng trưởng đăng ký sáng chế, văn bằng bảo hộ sáng chế.	%	16%/năm		Đảng ủy UBND tỉnh	
23.	Chỉ số bất bình đẳng giáo dục	%	< 10		Đảng ủy UBND tỉnh	
24.	Xếp hạng chỉ số giáo dục đóng góp trong HDI của tỉnh	Thứ hạng	≤ 20	≤ 15	Đảng ủy UBND tỉnh	

TT	Mục tiêu	Đơn vị tính	Năm hoàn thành		Đơn vị chủ trì	Ghi chú
			2030	2035		
25.	Xếp hạng PII (đổi mới sáng tạo cấp tỉnh)	Thứ hạng	≤ 20	≤ 15	Đảng ủy UBND tỉnh	
26.	Cơ sở giáo dục đại học ở trên địa bàn tỉnh trong nhóm đứng đầu cả nước	Cơ sở	01 cơ sở giáo dục đại học nằm trong nhóm 70	01 cơ sở giáo dục đại học nằm trong nhóm 50	Đảng ủy UBND tỉnh	

Phụ lục 2
NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 71-NQ/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
(Kèm theo Chương trình hành động số 04 -CTr/TU, ngày 10 /12/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đắk Lắk)

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
I. Nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy và hành động, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ					
1	Tuyên truyền về nội dung Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị và Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhằm nâng cao nhận thức, thống nhất trong hành động của toàn hệ thống chính trị và quần chúng nhân dân trên địa bàn tỉnh trong đột phá phát triển giáo dục và đào tạo	Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy	Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	Các kế hoạch, công văn, văn bản chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Thường xuyên
2	Xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị và Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy phù hợp với tình hình thực tế của từng địa phương, cơ quan, đơn vị.	Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy		Kế hoạch	Quý I/2026
3	Thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ giáo dục và đào tạo; xử lý nghiêm các trường hợp thiếu trách nhiệm, buông lỏng quản lý hoặc để xảy ra tiêu cực, sai phạm	Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy	Đảng ủy UBND tỉnh; các đảng ủy xã, phường	Chương trình, Kế hoạch	Hàng năm

II. Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội cho phát triển giáo dục và đào tạo					
1	Xây dựng chính sách khuyến khích đầu tư cho giáo dục và đào tạo.	Đảng ủy HĐND tỉnh	Đảng ủy UBND tỉnh	Nghị quyết của HĐND	Năm 2026
III. Tăng cường giáo dục toàn diện đức, trí, thể, mỹ, hình thành hệ giá trị con người Việt Nam thời đại mới					
1	Xây dựng các quy định để nâng cao dinh dưỡng học đường và phát triển giáo dục thể chất trong các cơ sở giáo dục	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy HĐND tỉnh, các đảng ủy xã, phường và cơ quan, đơn vị liên quan	Quyết định của UBND tỉnh	Năm 2026
2	Xây dựng kế hoạch ngăn ngừa, hạn chế tối đa những ảnh hưởng tiêu cực từ cơ chế thị trường, truyền thông, mạng xã hội đối với học sinh, sinh viên; ngăn chặn, đẩy lùi tiến tới chấm dứt bạo lực học đường, ma túy học đường	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đảng ủy xã, phường và cơ quan, đơn vị liên quan	Kế hoạch của UBND tỉnh	Năm 2026
3	Kế hoạch tăng cường giáo dục đạo đức, kỹ năng sống - xây dựng hình mẫu thanh niên trong thời đại mới	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đảng ủy xã, phường và cơ quan, đơn vị liên quan	Quyết định của UBND tỉnh	Năm 2026
IV. Chuyển đổi số toàn diện, phổ cập và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số, trí tuệ nhân tạo					
1	Xây dựng chính sách quản lý dữ liệu giáo dục và đào tạo	Đảng ủy HĐND tỉnh	Các đảng ủy xã, phường và cơ quan, đơn vị liên quan	Nghị quyết của HĐND tỉnh	Năm 2026

2	Xây dựng cơ sở dữ liệu học bạ số, văn bằng số cho người học trên phạm vi toàn tỉnh theo mã định danh cá nhân	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đảng ủy xã, phường và cơ quan, đơn vị liên quan	Hệ thống cơ sở dữ liệu	Năm 2026
3	Kế hoạch chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo – AI vào trong công tác quản lý, giảng dạy giai đoạn 2025 – 2030, tầm nhìn 2045.	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đảng ủy xã, phường và cơ quan, đơn vị liên quan	Kế hoạch của UBND tỉnh	Năm 2026
4	Triển khai hệ thống thông tin giáo dục và nhân lực có kết nối liên thông với hệ thống thông tin thị trường lao động, việc làm và tích hợp thông tin khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo của các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đảng ủy xã, phường và cơ quan, đơn vị liên quan	Hệ thống	Theo lộ trình Trung ương
5	Triển khai hệ thống quản lý ngành giáo dục và đào tạo tỉnh đồng bộ, thống nhất để điều hành chủ động, dựa trên dữ liệu và dự báo.	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đảng ủy xã, phường và cơ quan, đơn vị liên quan	Hệ thống	Năm 2026
V. Tập trung xây dựng đội ngũ nhà giáo, cơ sở vật chất trường lớp đạt chuẩn, nâng cao chất lượng giáo dục mầm non và phổ thông					
1	Xây dựng Đề án từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đảng ủy xã, phường và cơ quan, đơn vị liên quan	Quyết định của UBND tỉnh	Năm 2026

2	Xây dựng Đề án phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông giai đoạn 2026-2030 đáp ứng các yêu cầu bối cảnh mới	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đảng ủy xã, phường và cơ quan, đơn vị liên quan	Quyết định của UBND tỉnh	Năm 2026
3	Xây dựng Đề án sắp xếp, luân chuyển cán bộ, giáo viên, nhân viên ngành Giáo dục giai đoạn 2025 - 2030	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đảng ủy xã, phường và cơ quan, đơn vị liên quan	Quyết định của UBND tỉnh	Năm 2026
4	Xây dựng kế hoạch hiện đại hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học phục vụ công tác quản lý, dạy học giai đoạn 2025 - 2030, định hướng 2045	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đảng ủy xã, phường và cơ quan, đơn vị liên quan	Kế hoạch của UBND tỉnh	Năm 2026
5	Xây dựng chương trình giáo dục tích hợp, bảo tồn và phát huy văn hóa bản địa của đồng bào Ê Đê, M'Nông, Gia Rai, Tày, Nùng, Thái, Mường...; tăng cường dạy tiếng dân tộc	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đảng ủy xã, phường và cơ quan, đơn vị liên quan	Quyết định của UBND tỉnh	Năm 2026
VI. Cải cách, hiện đại hoá giáo dục nghề nghiệp, tạo đột phá phát triển nguồn nhân lực có kỹ năng nghề cao					
1	Đề án rà soát, sắp xếp, phát triển hệ thống cơ sở và đổi mới giáo dục nghề nghiệp của tỉnh theo hướng tinh gọn, hiệu quả, đa ngành, đa lĩnh vực gắn với nhu cầu thực tiễn của thị trường lao động địa phương	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đảng ủy xã, phường và cơ quan, đơn vị liên quan	Quyết định của UBND tỉnh	Năm 2026

2	Chương trình đào tạo nghề chất lượng cao cho đồng bào người dân tộc thiểu số ở các ngành nghề phù hợp	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đảng ủy xã, phường và cơ quan, đơn vị liên quan	Chương trình của UBND tỉnh	Năm 2027
VII. Hiện đại hóa, nâng tầm giáo dục đại học, tạo đột phá phát triển nhân lực trình độ cao và nhân tài, dẫn dắt nghiên cứu, đổi mới sáng tạo					
1	Xây dựng Đề án phát triển cơ sở đào tạo giáo dục đại học trên địa bàn tỉnh theo hướng mô hình đại học đổi mới sáng tạo, đại học công nghệ thế hệ mới	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đảng ủy xã, phường và cơ quan, đơn vị liên quan	Quyết định của UBND tỉnh	Năm 2026
2	Chính sách đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ đối với đội ngũ giảng viên	Đảng ủy HĐND tỉnh	Đảng ủy UBND tỉnh, các đảng ủy xã, phường và cơ quan, đơn vị liên quan	Nghị quyết của HĐND tỉnh	Năm 2026
3	Xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số, cán bộ khoa học - công nghệ giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Đảng ủy UBND tỉnh	Các đảng ủy xã, phường và cơ quan, đơn vị liên quan	Kế hoạch của Sở Giáo dục và Đào tạo	Năm 2026
VIII. Đẩy mạnh hợp tác và hội nhập quốc tế sâu rộng trong giáo dục và đào tạo					
1	Xây dựng quy định về bảo đảm an ninh văn hóa trong các cơ sở giáo dục có yếu tố nước ngoài	Đảng ủy Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành và địa phương	Quyết định của UBND tỉnh	Năm 2026

2	Xây dựng quy định khuyến khích, hỗ trợ học sinh, sinh viên, giảng viên, giáo viên đi học tập, nghiên cứu, thỉnh giảng ở các nước phát triển, các nước có quan hệ truyền thống, có thế mạnh trong lĩnh vực giáo dục	Đảng ủy UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành và địa phương	Quyết định của UBND tỉnh	Năm 2026
3	Xây dựng quy định thu hút hợp tác đầu tư nước ngoài trong giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học	Đảng ủy UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành và địa phương	Quyết định của UBND tỉnh	Năm 2026
4	Xây dựng quy định cấp học bổng toàn phần gửi các nhà khoa học trẻ, sinh viên xuất sắc người dân tộc thiểu số đi đào tạo tại các trường đại học có có thế mạnh trong ngành, lĩnh vực trọng điểm	Đảng ủy UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành và địa phương	Quyết định của UBND tỉnh	Năm 2026